

An Giang, ngày 10 tháng 8 năm 2026

BẢNG GIÁ TIÊM NGỪA
(Bảng giá áp dụng từ ngày 10 tháng 8 năm 2026)

- Căn cứ Nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều về thi hành Luật thuế TNDN;
- Căn cứ Thông tư 08/2014/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2014 quy định mức thu, chế độ thu nộp quản lý và sử dụng phí y tế dự phòng kiểm dịch y tế;
- Căn cứ Quyết định 3384/QĐ-BYT ngày 03 tháng 8 năm 2020 của Bộ Y tế quyết định về việc ban hành " Hệ thống sử dụng vắc xin và vật tư tiêu hao trong tiêm chủng mở rộng ";
- Căn cứ Quyết định 121/QĐ-BVSNKG ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Bệnh viện Sản - Nhi Kiên Giang về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp Vacxin tiêm chủng dịch vụ của Bệnh viện Sản - Nhi năm 2025 (lần 2);
- Căn cứ Quyết định 436/QĐ-BVSNKG ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Bệnh viện Sản - Nhi Kiên Giang về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp Vacxin tiêm chủng dịch vụ quy định tại khoản 2 điều 55 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15;
- Căn cứ Quyết định số 462/QĐ-BVSNKG ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Bệnh viện Sản - Nhi Kiên Giang về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp Vắc xin tiêm chủng dịch vụ theo Quy định tại khoản 2 Điều 55 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15;
- Căn cứ Quyết định 183/QĐ-BVSNKG ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Bệnh viện Sản - Nhi Kiên Giang về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp Vacxin tiêm chủng dịch vụ quy định tại khoản 7 điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công, tư và Luật đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc Hội.
- Căn cứ Quyết định 550/QĐ-BVSNKG ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Bệnh viện Sản - Nhi Kiên Giang về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp Vacxin tiêm chủng dịch vụ quy định tại khoản 7 điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công, tư và Luật đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc Hội.
- Căn cứ Quyết định 679/QĐ-BVSNKG ngày 06 tháng 8 năm 2026 của Bệnh viện Sản - Nhi Kiên Giang về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp Vacxin tiêm chủng dịch vụ theo quy định tại khoản 7 điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công, tư và Luật đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc Hội.

Stt	Loại Vacxin	Công dụng	Nước sản xuất	Đvt	Tổng chi phí						Giá tiền	Giá làm tròn số
					Vacxin	Bơm kim tiêm + băng	Công khám và tư vấn	Phí tiêm chủng	Phí bảo quản Vacxin, Khẩu	Thuế TNDN 2%		

Stt	Loại Vacxin	Công dụng	Nước sản xuất	Đvt	Tổng chi phí						Giá tiền	Giá làm tròn số
					Vacxin	Bơm kim tiêm + băng	Công khám và tư vấn	Phí tiêm chủng	Phí bảo quản Vacxin, Khẩu	Thuế TNDN 2%		
1	Infanrix Hexa	Vắc xin phối hợp phòng 6 bệnh: Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Bại liệt - Hib và Viêm gan B	Pháp	Liều	945.704	5.000	100.000	10.000	47.285	3.246	1.111.235	1.111.000
2	HEXAXIM	Vắc xin phối hợp phòng 6 bệnh: Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Bại liệt - Hib và Viêm gan B	Pháp	Bơm Tiêm	916.650	5.000	100.000	10.000	45.833	3.217	1.080.699	1.080.000
3	Gardasil 9	Vắc xin phòng Ung thư cổ tử cung 9 chủng	Mỹ	Bơm Tiêm	2.726.850	5.000	100.000	10.000	136.343	5.027	2.983.219	2.983.000
4	Rotarix	Vắc xin phòng Tiêu chảy do Rotavirus	Bi	Ông	766.835	5.000	100.000	10.000	38.342	3.067	923.244	923.000
5	Heberbiovac HB (10mcg)	Vắc xin phòng Viêm gan B	CuBa	Lọ	55.965	5.000	50.000	10.000	2.798	1.356	125.119	125.000
6	Heberbiovac HB (20mcg)	Vắc xin phòng Viêm gan B	CuBa	Lọ	79.905	5.000	50.000	10.000	3.995	1.380	150.280	150.000
7	Twinrix	Vắc xin phòng Viêm gan A và B	Bi	Hộp	510.922	5.000	50.000	10.000	25.546	1.811	603.279	603.000
8	VAXIGRIP TETRA	Vắc xin phòng Cúm mùa	Pháp	Bơm Tiêm	270.000	5.000	50.000	10.000	13.500	1.570	350.070	350.000

Stt	Loại Vacxin	Công dụng	Nước sản xuất	Đvt	Tổng chi phí						Giá tiền	Giá làm tròn số
					Vacxin	Bơm kim tiêm + băng	Công khám và tư vấn	Phí tiêm chủng	Phí bảo quản Vacxin, Khẩu	Thuế TNDN 2%		
17	Qdenga	Vắc xin phòng chống sốt xuất huyết	Đức	Lọ	960.336	5.000	100.000	10.000	48.017	3.260	1.126.613	1.126.500
18	Verorab	Vắc xin dại (bất hoạt)	Pháp	Lọ	284.390	5.000	50.000	10.000	14.220	1.584	365.194	365.000
19	VA-MENGOC-BC	Vắc xin viêm màng não do não mô cầu nhóm B và C	Cu Ba	Lọ	204.939	5.000	50.000	10.000	10.247	1.505	281.691	281.600
20	VAXNEUVANCE	Vắc xin phòng bệnh viêm phổi và nhiễm khuẩn toàn thân do phế cầu Streptococcus (vắc xin cộng hợp 15 giá)	CSSX: Ireland; CSĐG thứ cấp và XX: Hà Lan	Bơm tiêm	1.400.000	5.000	100.000	10.000	70.000	3.700	1.588.700	1.588.700
21	PNEUMOVAX 23	Vắc xin phòng bệnh viêm phổi và nhiễm khuẩn toàn thân do phế cầu Streptococcus (23 chủng)	CSSX & đóng gói cấp 1: Hoa Kỳ; CSĐG cấp 2 & XX: Hà Lan	Bơm tiêm	820.768	5.000	100.000	10.000	41.038	3.121	979.927	979.900
22	Prevenar 20	Vắc xin phế cầu 20 tuýp	Cơ sở sản xuất và đóng gói cấp 1: Ai Len, Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Bỉ	Bơm tiêm	1.400.490	5.000	100.000	10.000	70.025	3.700	1.589.215	1.589.000
23	Abrysvo	Vắc xin phòng Virus Hợp bào Hô hấp (RSV)	Bỉ	Lọ	5.014.075	5.000	100.000	10.000	250.704	7.314	5.387.093	5.387.000

Stt	Loại Vacxin	Công dụng	Nước sản xuất	Đvt	Tổng chi phí						Giá tiền	Giá làm tròn số
					Vacxin	Bơm kim tiêm + băng	Công khám và tư vấn	Phí tiêm chủng	Phí bảo quản Vacxin, Khẩu	Thuế TNDN 2%		
9	Influvac Tetra	Vắc xin phòng Cúm mùa	Hà Lan	Bơm Tiêm	264.000	5.000	50.000	10.000	13.200	1.564	343.764	343.700
10	Huyết thanh kháng đại tinh thể (SAR)	Huyết thanh kháng đại	Việt Nam	Lọ	387.555	5.000	50.000	10.000	19.378	1.688	473.620	473.600
11	Menactra	Vắc xin phòng Não mô cầu	Mỹ	Lọ	1.050.000	5.000	100.000	10.000	52.500	3.350	1.220.850	1.220.800
12	Adacel	Vắc xin phối hợp phòng Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván	Canada	Lọ	559.795	5.000	100.000	10.000	27.990	2.860	705.645	705.600
13	Vắc xin uốn ván hấp phụ (TT)	Vắc xin phòng uốn ván	Việt Nam	Liều	16.262	5.000	50.000	10.000	813	1.316	83.391	83.300
14	Imojev	Virus viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2 tái tổ hợp, sống, giảm độc lực	Thái Lan	Lọ	695.218	5.000	100.000	10.000	34.761	2.995	847.974	847.900
15	M-M-R II	Lọ (0,5 ml): - Vi-rút sởi ≥ 1.000 CCID50; - Vi rút Quai bị ≥ 12.500 CCID50; - Vi rút Rubella ≥ 1.000 CCID50	Mỹ, Hà Lan	Lọ	391.781	5.000	50.000	10.000	19.589	1.692	478.062	478.000
16	Varivax	Vắc xin phòng thủy đậu	Mỹ, Hà Lan	Lọ	915.805	5.000	100.000	10.000	45.790	3.216	1.079.811	1.079.800

Stt	Loại Vacxin	Công dụng	Nước sản xuất	Đvt	Tổng chi phí						Giá tiền	Giá làm tròn số
					Vacxin	Bơm kim tiêm + băng	Công khám và tư vấn	Phí tiêm chủng	Phí bảo quản Vacxin, Khẩu	Thuế TNDN 2%		
24	Menquadfi	Vắc xin phòng Não mô cầu A, C, Y	Hoa Kỳ	Lọ	1.653.750	5.000	100.000	10.000	82.688	3.954	1.855.391	1.855.000
25	Bexsero	Vắc xin ngừa não mô cầu nhóm B	Ý	Hộp	1.653.755	5.000	100.000	10.000	82.688	3.954	1.855.397	1.855.000
26	Beyfortus 50mg/0,5ml	Nirsevimab (Kháng thể đơn dòng RSV)	Hoa Kỳ	Bơm Tiêm	9.900.000	5.000	100.000	10.000	495.000	12.200	10.522.200	10.522.000
27	Beyfortus 100mg/1ml	Nirsevimab (Kháng thể đơn dòng RSV)	Hoa Kỳ	Bơm Tiêm	9.900.000	5.000	100.000	10.000	495.000	12.200	10.522.200	10.522.000
28	ProQuad	Vắc xin phòng Sởi – Quai bị – Rubella và Thủy đậu	Hoa Kỳ	Lọ	1.828.313	5.000	100.000	10.000	91.416	4.128	2.038.857	2.038.800
29	Vaxigrip	Vắc xin phòng Cúm mùa	Pháp	Bơm Tiêm	270.000	5.000	50.000	10.000	13.500	1.570	350.070	350.000

KHOA DƯỢC

PHÒNG KẾ HOẠCH - TỔNG HỢP

KẾ TOÁN TRƯỞNG



DS. CKII. Trần Thị Thùy Trang

Cao Thị Tố Như

Nguyễn Thị Mai Anh

Lại Thị Ngọc Diệp